

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: <b>Nguyên lý kế toán</b>	Số tín chỉ: 4
Mã học phần: <b>71ACCT20014</b>	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20014_01,02
Thời gian làm bài: <b>90 phút</b>	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> <i>chỉ được sử dụng tài liệu giấy</i> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO 1</b>	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4, 5, 6,7,8,9,10	3	PI1.2
<b>CLO 2</b>	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Tự luận	40%	Câu tự luận	4	PI2.2
<b>CLO 3</b>	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.2

(Phần công bố cho sinh viên)

### I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 4
Mã học phần: 71ACCT20014	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20014_01,02
Thời gian làm bài: 90 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

### II. Nội dung câu hỏi thi

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)** bao gồm 10 câu, mỗi câu 0.3 điểm

*Câu 1 (random 1 trong 3 câu)*

*Câu 1a-CLO1- [lần 1]*

Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào kế toán đã phân tích SAI tác động của nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên phương trình kế toán:

- A. Tăng tài sản, giảm nợ phải trả
- B. Giảm tài sản, tăng chi phí
- C. Tăng doanh thu, giảm nợ phải trả
- D. Tăng vốn chủ sở hữu, tăng tài sản

ANSWER: A

*Câu 1b-CLO1-[lần 1]*

Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào kế toán đã phân tích SAI tác động của nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên phương trình kế toán:

- A. Giảm tài sản, giảm chi phí
- B. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- C. Tăng doanh thu, giảm nợ phải trả
- D. Tăng vốn chủ sở hữu, tăng tài sản

ANSWER: A

***Câu 1c-CLO1-[lần 1]***

**Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào kế toán đã phân tích SAI tác động của nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên phương trình kế toán:**

- A. Tăng doanh thu, tăng nợ phải trả
- B. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- C. Tăng chi phí, giảm tài sản
- D. Tăng vốn chủ sở hữu, tăng tài sản

ANSWER: A

***Câu 2 (random 1 trong 3 câu)***

***Câu 2a-CLO1-[lần 1]***

**Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần TÀI SẢN trên phương trình kế toán?**

- A. Người mua chuyển khoản thanh toán tiền nợ
- B. Chuyển khoản trả nợ cho nhà cung cấp
- C. Bán hàng thu ngay bằng chuyển khoản
- D. Chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng này cho nhân viên bán hàng

ANSWER: A

***Câu 2b-CLO1-[lần 1]***

**Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm 2 bên phương trình kế toán đều TĂNG?**

- A. Mua hàng hóa chưa trả tiền cho nhà cung cấp
- B. Người mua chuyển khoản thanh toán tiền nợ
- C. Chuyển khoản trả nợ cho nhà cung cấp
- D. Chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên

ANSWER: A

***Câu 2c-CLO1-[lần 1]***

**Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm 2 bên phương trình kế toán đều GIẢM?**

- A. Chuyển khoản trả nợ cho nhà cung cấp
- B. Mua hàng hóa chưa trả tiền cho nhà cung cấp
- C. Người mua chuyển khoản thanh toán tiền nợ
- D. Vay ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp

ANSWER: A

**Câu 3 (random 1 trong 3 câu)**

**Câu 3a-CLO1-[lần 1]**

**Số dư cuối kỳ của tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?**

- A. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- B. Ghi số âm bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số âm bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

**Câu 3b-CLO1-[lần 1]**

**Số dư cuối kỳ của tài khoản “Chi phí trả trước” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?**

- A. Ghi số dương bên phần tài sản
- B. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số âm bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

**Câu 3c-CLO1-[lần 1]**

**Số dư cuối kỳ của tài khoản “Hao mòn tài sản cố định” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?**

- A. Ghi số âm bên phần tài sản
- B. Ghi số âm bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số dương bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

*Câu 4 (random 1 trong 3 câu)*

*Câu 4a-CLO1-[lần 1]*

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Hàng hóa” tại ngày 31/12/N của công ty A:

TK 156	
<u><b>SDĐK: 320.000.000</b></u>	
<b>(TK 112) 100.000.000</b>	<b>120.000.000 (TK 632)</b>
<b>(TK 331) 150.000.000</b>	

Số dư cuối tháng 12/N của tài khoản “Hàng hóa” là:

- A. Dư Nợ 450.000.000
- B. Dư Có 450.000.000
- C. Dư Nợ 690.000.000
- D. Dư Có 690.000.000

ANSWER: A

*Câu 4b-CLO1-[lần 1]*

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Phải thu khách hàng” tại ngày 31/12/N của công ty A:

TK 131	
<u><b>SDĐK: 150.000.000</b></u>	
<b>(TK 511) 250.000.000</b>	<b>120.000.000 (TK 112)</b>
	<b>10.000.000 (TK 111)</b>

Số dư cuối tháng 12 của tài khoản “Phải thu khách hàng” là:

- A. Dư Nợ 270.000.000
- B. Dư Có 270.000.000
- C. Dư Nợ 400.000.000

D. Dư Có 130.000.000

ANSWER: A

**Câu 4c-CLO1-[lần 1]**

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Công cụ, dụng cụ” ngày 31/12/N của công ty A:

TK 153	
<u>SĐĐK: 20.000.000</u>	
(TK 331) 15.000.000	10.000.000 (TK 242)
(TK 111) 5.000.000	2.000.000 (TK 641)

Số dư cuối tháng 12 của tài khoản “Công cụ, dụng cụ” là:

A. Dư Nợ 28.000.000

B. Dư Có 28.000.000

C. Dư Nợ 40.000.000

D. Dư Có 12.000.000

ANSWER: A

**Câu 5 (random 1 trong 3 câu)**

**Câu 5a-CLO1-[lần 1]**

Ngày 10/10/N, công ty H mua một xe tải dùng để giao hàng với giá mua là 1.200.000.000 đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí chạy thử đã trả bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng. Xe được đưa vào sử dụng ngay và ước tính dùng trong 10 năm. Ngày 10/10/N, giá gốc của xe tải được xác định là bao nhiêu và được kế toán ghi nhận vào tài khoản nào?

A. 1.205.000.000 đồng và được ghi vào TK 211

B. 1.205.000.000 đồng và được ghi vào TK 641

C. 1.200.000.000 đồng và được ghi vào TK 242

D. 1.205.000.000 đồng và được ghi vào TK 242

ANSWER: A

**Câu 5b-CLO1-[lần 1]**

Ngày 10/10/N, công ty H mua một máy chấm công về sử dụng ngay tại bộ phận văn phòng với giá mua là 10.000.000 đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí lắp đặt máy đã trả bằng tiền mặt là 500.000 đồng. Kế toán dự tính phân bổ giá trị tài sản này trong 2 năm. Ngày 10/10/N, giá gốc của máy chấm công được xác định là bao nhiêu và được kế toán ghi nhận vào tài khoản nào?

- A. 10.500.000 đồng và được ghi vào TK 242
- B. 10.500.000 đồng và được ghi vào TK 153
- C. 10.000.000 đồng và được ghi vào TK 211
- D. 10.000.000 đồng và được ghi vào TK 153

ANSWER: A

**Câu 5c-CLO1-[lần 1]**

Ngày 10/10/N, công ty H mua một bộ bàn ghế nhập kho với giá mua là 12.000.000 đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí vận chuyển đã trả bằng tiền mặt là 500.000 đồng. Công ty dự kiến đem tài sản này ra sử dụng tại cửa hàng để tiếp khách từ tháng sau và phân bổ vào chi phí trong 2 năm. Ngày 10/10/N, giá gốc của bộ bàn ghế được xác định là bao nhiêu và được kế toán ghi nhận vào tài khoản nào?

- A. 12.500.000 đồng và được ghi vào TK 153
- B. 12.500.000 đồng và được ghi vào TK 242
- C. 12.000.000 đồng và được ghi vào TK 153
- D. 12.500.000 đồng và được ghi vào TK 641

ANSWER: A

**Câu 6 (random 1 trong 3 câu)**

**Câu 6a-CLO1-[lần 1]**

Bút toán điều chỉnh để ghi nhận phần dịch vụ vừa mới hoàn thành và tiền đã thu được từ trước sẽ làm cho:

- A. Nợ phải trả giảm, doanh thu tăng
- B. Nợ phải trả tăng, chi phí tăng
- C. Tài sản tăng, doanh thu tăng
- D. Tài sản giảm, chi phí tăng

ANSWER: A

***Câu 6b-CLO1- [lần 1]***

**Bút toán điều chỉnh để ghi nhận phần dịch vụ đã cung cấp nhưng chưa thu tiền sẽ làm cho:**

- A.** Tài sản tăng, doanh thu tăng
- B.** Nợ phải trả tăng, chi phí tăng
- C.** Nợ phải trả giảm, doanh thu tăng
- D.** Tài sản giảm, chi phí tăng

ANSWER: A

***Câu 6c-CLO1-[lần 1]***

**Bút toán điều chỉnh để ghi nhận phần dịch vụ đã sử dụng nhưng tiền chưa thanh toán sẽ làm cho:**

- A.** Nợ phải trả tăng, chi phí tăng
- B.** Tài sản giảm, chi phí tăng
- C.** Tài sản tăng, doanh thu tăng
- D.** Nợ phải trả giảm, doanh thu tăng

ANSWER: A

***Câu 7 (random 1 trong 3 câu)***

***Câu 7a-CLO1-[lần 1]***

**Phát biểu nào sau đây SAI khi đề cập đến Bảng cân đối số phát sinh:**

- A.** Bảng cân đối số phát sinh nằm trong hệ thống báo cáo tài chính và bắt buộc phải công khai
- B.** Bảng cân đối số phát sinh dùng để tổng hợp thông tin về số dư và số phát sinh của tất cả tài khoản kế toán trong kỳ
- C.** Bảng cân đối số phát sinh được lập vào cuối kỳ trước khi lập báo cáo tài chính
- D.** Nguồn số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh là từ các tài khoản kế toán đã được khóa sổ vào cuối kỳ kế toán

ANSWER: A

***Câu 7b-CLO1-[lần 1]***

**Phát biểu nào sau đây SAI khi đề cập đến các thông tin trên Bảng cân đối kế toán:**



- A. Chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” cho thấy kết quả kinh doanh trong một kỳ của doanh nghiệp
- B. Chỉ tiêu “Hao mòn tài sản cố định” cho thấy số hao mòn lũy kế của tài sản cố định tính tới thời điểm lập Bảng cân đối kế toán
- C. Chỉ tiêu “Chi phí trả trước” cho thấy giá trị tài sản mà doanh nghiệp còn sử dụng được trong các kỳ kế toán tiếp theo
- D. Chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” cho thấy phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải trả trong các kỳ kế toán tiếp theo

ANSWER: A

**Câu 7c-CLO1-[lần 1]**

**Phát biểu nào sau đây SAI khi đề cập đến các thông tin trên Bảng cân đối kế toán:**

- A. Chỉ tiêu “Hao mòn tài sản cố định” cho biết chi phí sử dụng tài sản cố định trong kỳ kế toán hiện tại
- B. Chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” cho thấy kết quả kinh doanh lũy kế qua các kỳ kế toán tính tới thời điểm lập Bảng cân đối kế toán
- C. Chỉ tiêu “Chi phí trả trước” cho thấy giá trị tài sản mà doanh nghiệp còn sử dụng được trong các kỳ kế toán tiếp theo
- D. Chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” cho thấy phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải trả trong các kỳ kế toán tiếp theo

ANSWER: A

**Câu 8 (random 1 trong 3 câu)**

**Câu 8a-CLO1-[lần 1]**

**Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 50 sản phẩm với đơn giá niêm yết là 10.000.000 đồng/sản phẩm. Do mua với số lượng lớn nên được giảm giá 1% trên giá niêm yết. Tiền hàng công ty sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày. Chi phí vận chuyển đã chi ngay bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng. Vậy giá trị nhập kho của lô hàng hóa trên là bao nhiêu?**

- A. 496.000.000 đồng
- B. 495.000.000 đồng
- C. 500.000.000 đồng

**D. 501.000.000 đồng**

ANSWER: A

***Câu 8b-CLO1-[lần 1]***

**Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 50 sản phẩm với đơn giá niêm yết là 10.000.000 đồng/sản phẩm. Do mua với số lượng lớn nên được giảm giá 2% trên giá niêm yết. Tiền hàng công ty sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày. Chi phí vận chuyển đã chi ngay bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng. Vậy giá trị nhập kho của lô hàng hóa trên là bao nhiêu?**

**A. 491.000.000 đồng**

**B. 490.000.000 đồng**

**C. 500.000.000 đồng**

**D. 501.000.000 đồng**

ANSWER: A

***Câu 8c-CLO1-[lần 1]***

**Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 40 sản phẩm với đơn giá niêm yết là 5.000.000 đồng/sản phẩm. Do mua với số lượng lớn nên được giảm giá 1% trên giá niêm yết. Tiền hàng công ty sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày. Chi phí vận chuyển đã chi ngay bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng. Vậy giá trị nhập kho của lô hàng hóa trên là bao nhiêu?**

**A. 199.000.000 đồng**

**B. 200.000.000 đồng**

**C. 201.000.000 đồng**

**D. 198.000.000 đồng**

ANSWER: A

***Câu 9 (random 1 trong 3 câu)***

***Câu 9a-CLO1-[lần 1]***

**Doanh thu bán hàng của công ty A trong những tháng cận tết rất cao. Giám đốc muốn cân bằng lợi nhuận cho các kỳ kế toán trong năm nên đã yêu cầu kế toán thay đổi phương pháp tính giá trị hàng xuất kho từ nhập trước xuất trước (FIFO) qua**

**phương pháp bình quân gia quyền di động. Quyết định trên của giám đốc có nên thực hiện hay không? Vì sao?**

- A. Không vì vi phạm nguyên tắc nhất quán
- B. Có vì tuân thủ nguyên tắc phù hợp
- C. Không vì vi phạm giả định kỳ kế toán
- D. Có vì tuân thủ nguyên tắc ghi nhận doanh thu

ANSWER: A

***Câu 9b-CLO1-[lần 1]***

**Giám đốc công ty A đề nghị kế toán điều chỉnh lại giá trị hàng hóa trong kho vì giá thị trường của mặt hàng này tăng vọt so với giá tại thời điểm mua. Quyết định trên của giám đốc có nên thực hiện hay không? Vì sao?**

- A. Không vì vi phạm nguyên tắc giá gốc
- B. Có vì tuân thủ nguyên tắc thận trọng
- C. Có vì tuân thủ nguyên tắc phù hợp
- D. Không vì vi phạm nguyên tắc khách quan

ANSWER: A

***Câu 9c-CLO1-[lần 1]***

**Tháng 11/N, công ty A đã hoàn thành hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng và thu được  $\frac{1}{2}$  giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại sẽ thu vào tháng 12/N. Giám đốc yêu cầu kế toán ghi nhận một nửa doanh thu cho tháng 11/N và một nửa doanh thu còn lại cho tháng 12/N để phù hợp với số tiền thu được trong kỳ. Quyết định trên của giám đốc có nên thực hiện hay không? Vì sao?**

- A. Không vì vi phạm nguyên tắc ghi nhận doanh thu
- B. Có vì tuân thủ nguyên tắc phù hợp
- C. Không vì vi phạm giả định kỳ kế toán
- D. Có vì tuân thủ nguyên tắc ghi nhận doanh thu

ANSWER: A

*Câu 10 (random 1 trong 3 câu)*

*Câu 10a-CLO1- [lần 1]*

**Khoản chiết khấu công ty được hưởng do thanh toán tiền sớm cho người bán được ghi nhận vào chỉ tiêu nào trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?**

- A. Doanh thu hoạt động tài chính
- B. Lợi nhuận chưa phân phối
- C. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- D. Thu nhập khác

ANSWER: A

*Câu 10b-CLO1-[lần 1]*

**Khoản chiết khấu công ty cho khách hàng hưởng do khách hàng trả tiền sớm trước thời hạn được ghi nhận vào chỉ tiêu nào trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?**

- A. Chi phí tài chính
- B. Các khoản làm giảm trừ doanh thu
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A

*Câu 10c-CLO1- [lần 1]*

**Khoản chiết khấu công ty cho khách hàng hưởng do khách hàng mua với số lượng lớn được ghi nhận vào chỉ tiêu nào trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?**

- A. Các khoản làm giảm trừ doanh thu
- B. Chi phí tài chính
- C. Chi phí bán hàng
- D. Chi phí quản lý doanh nghiệp

ANSWER: A

## **PHẦN TƯ LUẬN (7.0 điểm)**

### **Câu TL-CLO2&CLO3 - [lần 1] Random 1 trong 2 câu**

#### **Câu TL1-CLO2&CLO3 – [lần 1]**

Công ty DTL bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/10/N, chuyên phân phối và cung cấp dịch vụ lắp đặt liên quan đến mặt hàng máy lọc nước. Một số tài liệu có liên quan của công ty trước kỳ kế toán tháng 12/N như sau:

#### **Tài liệu 1: Các chính sách kế toán hiện hành**

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO);
- Trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

#### **Tài liệu 2: Tình hình tài chính tại ngày 1/12/N**

<b>Tài khoản</b>	<b>Số dư (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tiền mặt	60.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	1.540.000.000	
Hàng hóa	600.000.000	Chi tiết 50 máy lọc nước Karofi với giá 12.000.000 đồng/máy
Công cụ dụng cụ	30.000.000	Văn phòng phẩm
Phải trả người lao động	270.000.000	Lương cố định hàng tháng của nhân viên bán hàng 80.000.000 đồng, lương bộ phận quản lý 190.000.000 đồng, lương được trả vào ngày 5 tháng sau qua tài khoản ngân hàng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.800.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	160.000.000	

#### **Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tháng 12/N**

**Ngày 1:** xuất kho ½ số văn phòng phẩm hiện có trong kho ra sử dụng tại bộ phận văn phòng, thời gian phân bổ hợp lý của số công cụ dụng cụ này là 3 tháng tính từ tháng 12/N.

**Ngày 5:** chuyển khoản thanh toán lương tháng 11/N cho người lao động.

**Ngày 10:** xuất bán 20 máy lọc nước Karofi cho công ty BnB với đơn giá bán 21.000.000 đồng/máy, chưa thu tiền khách hàng.

**Ngày 15:** chi tiền mặt mua thêm văn phòng phẩm nhập kho trị giá 10.000.000 đồng.

**Ngày 20:** công ty BnB chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng mua ngày 10/12/N.

**Ngày 30:** Nhận hóa đơn tiền điện, nước chưa thanh toán với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Trong đó, 60% là của bộ phận bán hàng và 40% của bộ phận quản lý doanh nghiệp.

**Yêu cầu:**

- (i) Ghi sổ nhật ký (định khoản) nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N **(3.5 điểm)**
- (ii) Thực hiện bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí lương và phân bổ công cụ dụng cụ sử dụng cho kỳ kế toán tháng 12/N **(1 điểm)**
- (iii) Thực hiện bút toán khóa sổ vào cuối tháng 12/N **(1.5 điểm)**
- (iv) Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12/N tại công ty DTL theo mẫu bên dưới, biết công ty đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN **(1 điểm)**

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY DTL KỲ: THÁNG 12 NĂM N</b>	
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	.....
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	.....
3. <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	.....
4. Giá vốn hàng bán	.....
5. Lợi nhuận gộp	.....
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-
7. Chi phí tài chính	-
8. <i>Lợi nhuận tài chính</i>	-
9. Chi phí bán hàng	.....
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	.....
11. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	.....
12. Thu nhập khác	-
13. Chi phí khác	-
14. <i>Lợi nhuận khác</i>	-
15. <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	.....
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
17. Lợi nhuận ròng sau thuế	.....

**Câu TL2-CLO2&CLO3 – [lần 1]**

Công ty Lotus bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/10/N, chuyên phân phối và cung cấp dịch vụ lắp đặt liên quan đến mặt hàng máy lọc nước. Một số tài liệu có liên quan của công ty trước kỳ kế toán tháng 12/N như sau:

**Tài liệu 1: Các chính sách kế toán hiện hành**

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO);
- Trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng;

**Tài liệu 2: Tình hình tài chính tại ngày 1/12/N**

<b>Tài khoản</b>	<b>Số dư (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tiền mặt	120.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	3.080.000.000	
Hàng hóa	450.000.000	Chi tiết 30 máy lọc nước Korihome với giá <b>15.000.000 đồng/máy</b>
Phải trả người lao động	310.000.000	Lương cố định hàng tháng của nhân viên bán hàng 125.000.000 đồng, lương quản lý 185.000.000 đồng, lương được trả vào ngày 5 tháng sau qua tài khoản ngân hàng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	340.000.000	

**Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tháng 12/N**

**Ngày 1:** chi tiền mặt 18.000.000 đồng mua một máy tính sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng, thời gian phân bổ hợp lý của công cụ này là 6 tháng tính từ tháng 12/N.

**Ngày 5:** chuyển khoản thanh toán lương tháng 11/N cho người lao động.

**Ngày 10:** xuất bán 20 máy lọc nước Korihome cho công ty BnB với đơn giá bán 28.000.000 đồng/máy, chưa thu tiền khách hàng.

**Ngày 15:** chuyển khoản mua thêm một lô hàng hóa nhập kho gồm 10 máy lọc nước Korihome với giá mua 15.000.000 đồng/máy.

**Ngày 20:** công ty BnB chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng mua ngày 10/12/N.

**Ngày 30:** nhận hóa đơn tiền điện, nước chưa thanh toán với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Trong đó, 60% là của bộ phận bán hàng và 40% của bộ phận quản lý doanh nghiệp.

**Yêu cầu:**

- Ghi sổ nhật ký (định khoản) nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N **(3.5 điểm)**
- Thực hiện bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí lương và phân bổ công cụ dụng cụ sử dụng cho kỳ kế toán tháng 12/N **(1 điểm)**
- Thực hiện bút toán khóa sổ vào cuối tháng 12/N **(1.5 điểm)**
- Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12/N tại công ty Lotus theo mẫu bên dưới, biết công ty đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN **(1 điểm)**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**CÔNG TY LOTUS**  
**KỲ: THÁNG 12 NĂM N**

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	.....
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	.....
3. <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	.....
4. Giá vốn hàng bán	.....
5. Lợi nhuận gộp	.....
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-
7. Chi phí tài chính	-
8. <i>Lợi nhuận tài chính</i>	-
9. Chi phí bán hàng	.....
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	.....
11. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	.....
12. Thu nhập khác	-
13. Chi phí khác	-
14. <i>Lợi nhuận khác</i>	-
15. <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	.....
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
17. Lợi nhuận ròng sau thuế	.....

---

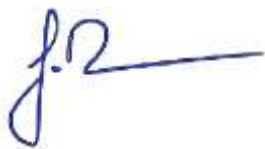






	Cố TK 641      138.800.000 (10.800.000+3.000.000+ 125.000.000) Cố TK 642      192.200.000 (7.200.000+185.000.000) (K3) Nợ TK 421    71.000.000 Cố TK 911            71.000.000 (=631.000.000 – 560.000.000) (iv) <b>Báo cáo kết quả kinh doanh (0.1 điểm/chỉ tiêu)</b> Chỉ tiêu (1) 560.000.000; (2) 0; (3) 560.000.000; (4) 300.000.000; (5) 260.000.000; (9) 138.800.000; (10) 192.200.000; (11) (71.000.000); (15) (71.000.000); (17) (71.000.000)	0.5	
		0.5	
		1.0	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



**ThS. Phan Minh Nguyệt**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2024

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

